

**VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG – VNSAT**



BÁO CÁO
THỊ TRƯỜNG ĐỐI THỦ CẠNH TRANH
THỊ TRƯỜNG THÁI LAN

Hà nội, 2019

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	4
1. Sự cần thiết của báo cáo.....	4
2. Các thông tin cơ bản.....	4
3. Tình hình kinh tế	5
II. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT LÚA GẠO CỦA THÁI LAN	8
1. Biến động sản xuất.....	8
2. Hoạt động sơ chế và chế biến sản phẩm	11
3. Chính sách hỗ trợ sản xuất	15
III. THỰC TRẠNG THƯƠNG MẠI LÚA GẠO CỦA THÁI LAN	18
1. Xuất khẩu	18
2. Tiêu dùng trong nước	20
3. Dự trữ	21
4. Biến động giá cả.....	21
5. Chính sách thương mại	23
III. KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ LƯU Ý CHO NGÀNH GẠO VIỆT NAM	25
1. Kết luận	25
2. Một số lưu ý cho ngành gạo Việt Nam	26
TÀI LIỆU THAM KHẢO	28

DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH

Hình 1: Cơ cấu GDP theo ngành của Thái Lan năm 2018.....	7
Hình 2: Cơ cấu lao động theo ngành của Thái Lan năm 2018.....	7
Hình 3: Diện tích sản xuất lúa gạo của Thái Lan so với Việt Nam, trong giai đoạn 2010-2019 (đơn vị: triệu ha).....	8
Hình 4: Bản đồ phân bố diện tích sản xuất lúa gạo của Thái Lan.....	9
Hình 5: Sản lượng gạo của Thái Lan so với Việt Nam (đơn vị: triệu tấn) và Năng suất lúa của Thái Lan (đơn vị: tấn/ha).....	10
Hình 6: Khối lượng xuất khẩu gạo trong giai đoạn 2010-2019 của Ấn Độ, Pakistan, Thái Lan và Việt Nam (đơn vị: triệu tấn).....	18
Hình 7: Khối lượng xuất khẩu gạo của Thái Lan phân theo loại gạo, trong 9 tháng đầu năm 2019 (đơn vị: nghìn tấn).....	19
Hình 8: Giá trị xuất khẩu gạo của Thái Lan phân theo loại gạo, trong 9 tháng đầu năm 2019 (đơn vị: triệu USD).....	19
Hình 9: Tỷ trọng xuất khẩu gạo của Thái Lan phân theo thị trường trong 9 tháng đầu năm 2019.....	20
Hình 10: Tiêu dùng gạo của Thái Lan so với thế giới và Tiêu dùng gạo bình quân đầu người ở Thái Lan (kg/người/năm) trong giai đoạn 2010-2019.....	20
Hình 11: Lượng gạo dự trữ của Thái Lan so với thế giới (đơn vị: nghìn tấn).....	21
Hình 12: Giá gạo trắng 5% tấm xuất khẩu của Thái Lan, Ấn Độ, Việt Nam và Pakistan từ 11/2018 đến 11/2019 (đơn vị: USD/tấn).....	22
Bảng 1: Tổng quan kinh tế Thái Lan giai đoạn 2016-2018.....	7

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Sự cần thiết của báo cáo

Lúa gạo là ngành hàng chủ lực của nông nghiệp Việt Nam. Sản xuất lúa gạo đã có bước tiến đáng kể trong nhiều thập niên qua, góp phần quan trọng trong xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an ninh lương thực và thúc đẩy xuất khẩu nông sản Việt Nam. Trong khoảng 10 năm trở lại đây, Việt Nam liên tục nằm trong nhóm 5 nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới bên cạnh các nước như Ấn Độ, Thái Lan, Pakistan, Brazil. Gạo xuất khẩu Việt Nam luôn phải đối mặt với những cạnh tranh về giá gạo, khối lượng và chất lượng gạo với các đối thủ cạnh tranh ở cả các thị trường dễ tính như Đông Nam Á, Châu Phi và khó tính như Hoa Kỳ, châu Âu, Úc, Nhật. Để nâng cao khả năng cạnh tranh của gạo Việt Nam, ngoài những giải pháp tăng cường nội lực sản xuất và xuất khẩu trong nước, cần nắm rõ được thực trạng và xu thế sản xuất, xuất khẩu gạo của các nước xuất khẩu khác.

Trong khuôn khổ hoạt động xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành hàng lúa gạo và cà phê của dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững VnSAT, báo cáo phân tích thị trường đối thủ cạnh tranh về ngành gạo – thị trường Thái Lan được xây dựng nhằm mục đích nắm bắt và hiểu thông tin về tình hình sản xuất, thương mại ngành lúa gạo của Thái Lan - nhà xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới, đồng thời là đối thủ cạnh tranh của Việt Nam tại nhiều thị trường như Trung Quốc, Đông Nam Á và châu Phi. Những thông tin tổng hợp và phân tích trong báo cáo này được mong đợi sẽ là nguồn tham khảo để đưa ra những giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh ngành lúa gạo Việt Nam.

2. Các thông tin cơ bản

Tên đầy đủ: Vương quốc Thái Lan (Thailand). **Thủ đô:** Băng Cốc

Diện tích: 513.115 km² (lớn thứ 49 thế giới), gồm 76 tỉnh.

Dân số: 69 triệu, đứng thứ 20 thế giới.

Ngôn ngữ: Tiếng Thái, Tiếng Anh (ngôn ngữ thứ 2), tiếng dân tộc khác

Tôn giáo: 93,2% Phật giáo; 5,5% Hồi giáo; 0,9% Cơ Đốc giáo; 0,1% Ấn Độ giáo và 0,3% không theo đạo

Dân tộc: khoảng 75% là dân tộc Thái, 14% là người gốc Hoa và 3% là người Mã Lai, phần còn lại là những nhóm dân tộc thiểu số như Môn, Khmer và các bộ tộc khác

Đơn vị tiền tệ: Baht (THB), 1 USD = 30,22 THB (tháng 11/2019)

Múi giờ: nằm tại Đông Nam Á, múi giờ ICT (UTC+7), bằng với Việt Nam

Biên giới: giáp với 4 quốc gia là Myanmar, Lào, Campuchia và Malaysia

Đặc điểm tự nhiên: Thái Lan có khí hậu nhiệt đới. Đặc điểm nổi bật của địa hình Thái Lan là núi cao, một đồng bằng trung tâm và một vùng cao nguyên. Núi chiếm phần lớn phía bắc Thái và trải rộng dọc theo biên giới Myanmar qua eo Kra và bán đảo Mã Lai. Đồng bằng trung tâm là một vùng đất thấp bồi bởi sông Chao Phraya và các chi lưu, đó hệ thống sông chính của nước này, chảy vào đồng bằng ở đầu vịnh Bangkok. Ở phía đông bắc của đất nước là cao nguyên Khorat, một khu vực nhấp nhô nhẹ với đồi thấp và hồ nông, cung nước vào sông Mekong qua sông Mun. Hệ thống sông Chao Phraya và Mê Kông cùng nhau duy trì nền nông nghiệp Thái Lan thông qua việc cung cấp nước cho lúa và cung cấp đường thủy cho việc vận chuyển. Ở phía nam, các đặc điểm tự nhiên phân biệt khác của bán đảo Thái Lan là đường bờ biển dài, các hòn đảo ngoài khơi và đầm lầy ngập mặn giảm đi.

Thế chế chính trị: Thái Lan là một quốc gia quân chủ lập hiến. Quốc vương Thái Lan theo nghi thức là nguyên thủ quốc gia cao nhất, tổng tư lệnh quân đội và nhà lãnh đạo tinh thần Phật giáo của đất nước. Vua Thái Lan hiện nay là Rama X.

Ngày nghỉ lễ, tết: Tết dương lịch nghỉ 1 ngày, ngày Makha Bucha (19/2), ngày Chakri (6/4); tết Songkrana nghỉ 7 ngày; Quốc tế Lao động (1/5); ngày Visakha Bucha (18/5); sinh nhật Hoàng hậu (3/6); ngày Asahna Bucha (16/7); sinh nhật nhà vua (28/7); sinh nhật Thái hậu – ngày của mẹ (12/8); ngày tưởng nhớ cố nhà vua (13/10); ngày Chulalongkorn (23/10); sinh nhật cố nhà vua – ngày của cha (5/12); ngày lập hiến (10/12); Giáng sinh (31/12).

3. Tình hình kinh tế

Tổng quan về kinh tế Thái Lan

Kinh tế Thái Lan là một nền kinh tế thị trường phụ thuộc vào xuất khẩu với kim ngạch xuất khẩu chiếm 60% GDP. Năm 2017, GDP danh nghĩa theo tỷ giá hối đoái thị trường của Thái Lan là 455 tỷ USD, là nền kinh tế lớn thứ hai Đông Nam Á sau Indonesia và cũng là nền kinh tế lớn thứ 20 thế giới. Thái Lan hiện là nước công nghiệp mới với định hướng xuất khẩu, ngành công nghiệp, dịch vụ và du lịch đã dần dần đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế trong khi vai trò của nông nghiệp đang giảm dần.

Lịch sử phát triển kinh tế của Thái Lan

Từ 1985 – 1996 kinh tế Thái Lan đạt tốc độ tăng trưởng cao trung bình gần 9% một năm. Nhưng đến năm 1996 tăng trưởng kinh tế giảm xuống còn 5,9% và sau đó là cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ 7/1997 làm cho kinh tế Thái Lan rơi vào tình trạng khó khăn trầm trọng, Chính phủ buộc phải thả nổi đồng Bạt; mức tăng GDP năm 98 là -10,5%; nợ nước ngoài khoảng 87 tỷ USD; các ngành sản xuất mũi nhọn như công

ng nghiệp ô tô, dệt, điện tử suy giảm nghiêm trọng; thất nghiệp gia tăng, tính đến tháng 3/1998 đã có tới 2,8 triệu người thất nghiệp, chiếm 8,8% lực lượng lao động.

Kể từ năm 1998, kinh tế Thái Lan bắt đầu có dấu hiệu phục hồi. tăng trưởng đạt 4,2-4,4% vào năm 2000, phần lớn dựa vào xuất khẩu (tăng 20% năm 2000). Năm 2001, mức tăng trưởng giảm xuống còn 2,2% do ảnh hưởng của sự sụt giảm của kinh tế toàn cầu. Nhưng sau đó, kinh tế Thái Lan tăng trưởng mạnh dưới thời Thủ tướng Thaksin Shinawatra với một số dự án lớn. Từ 2002 - 2004, tăng trưởng đạt 5-7% một năm.

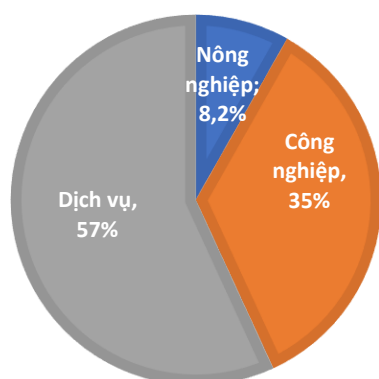
Từ năm 2007, những bất ổn chính trị đã gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của Thái Lan tuy nhiên các yếu tố cơ bản của nền kinh tế vẫn vững. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Thái Lan năm 2007 đạt 4,8%. Do bất ổn chính trị trong nước và ảnh hưởng tiêu cực bởi khủng hoảng tài chính, tăng trưởng kinh tế của Thái Lan năm 2008 chỉ đạt 3,6%. Năm 2009, xuất khẩu giảm mạnh, thất nghiệp gia tăng, tăng trưởng kinh tế Thái Lan giảm xuống 2,4%. Thời gian gần đây, kinh tế Thái Lan đã dần phục hồi. Tuy nhiên, đà tăng trưởng kinh tế vẫn còn phải phụ thuộc vào một số yếu tố trong đó có sự ổn định chính trị trong nước. Trong bối cảnh suy thoái kinh tế thế giới, tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan giảm sút rõ rệt khi chỉ tăng 0,1% năm 2011 do ảnh hưởng nghiêm trọng của lũ lụt. Năm 2012, Thái Lan đã phục hồi nền kinh tế, với GDP Thái Lan đạt hơn 646 tỷ USD, tăng trưởng đạt mức 5,6%.

Giai đoạn 2013-2015, tăng trưởng chậm do khủng hoảng chính trị trong nước cũng như nhu cầu toàn cầu giảm đã kiềm chế các mặt hàng xuất khẩu thế mạnh truyền thống của Thái Lan: thiết bị điện tử, hàng hóa nông nghiệp, ô tô và phụ tùng, thực phẩm chế biến. Hiện nay, Thái Lan đang phải đối mặt với tình trạng thiếu lao động, và đã thu hút khoảng 2 – 4 triệu lao động nhập cư từ các nước láng giềng. GDP Thái Lan dần tăng trưởng tốt lên, năm 2015 GDP tăng 2,8%, và con số này năm 2016 đạt 3,2%. Thái Lan đang triển khai Chiến lược Phát triển quốc gia 20 năm (2016 – 2035) và từ tháng 10/2016 bắt đầu thực hiện Kế hoạch Phát triển kinh tế, xã hội 5 năm lần thứ 12 (2017 – 2021). Trong dài hạn, sự bất ổn về chính trị và tình trạng già hóa dân số sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế.

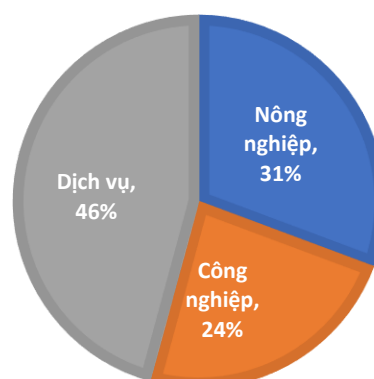
Tuy nền kinh tế và chính trị Thái Lan còn nhiều bất ổn nhưng Thái Lan là rất thành công trong phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là gạo. Thái Lan luôn duy trì vị trí số 1 thế giới về xuất khẩu gạo trong nhiều năm qua. Các sản phẩm gạo của Thái Lan có mặt tại nhiều thị trường trên thế giới. Đây là đối thủ cạnh tranh trực tiếp đối với các sản phẩm gạo Việt Nam trên thị trường thế giới. Hơn nữa, vì cùng nằm trong khu vực Đông Nam Á nên Thái Lan có khá nhiều điểm tương đồng với Việt Nam cả về điều kiện tự nhiên và các đặc điểm văn hóa – xã hội. Vì vậy, nghiên cứu kinh nghiệm phát triển lúa gạo Thái Lan sẽ là bài học kinh nghiệm quý giá cho Việt Nam.

Một số chỉ số kinh tế của Thái Lan

Hình 1: Cơ cấu GDP theo ngành của Thái Lan năm 2018



Hình 2: Cơ cấu lao động theo ngành của Thái Lan năm 2018



Nguồn: Global EDGE

Bảng 1: Tổng quan kinh tế Thái Lan giai đoạn 2016-2018

	2016	2017	2018
GDP	411 tỷ USD	455 tỷ USD	504 tỷ USD
Tăng trưởng GDP	3,4%	4%	4,1%
GDP theo đầu người	6113 USD	6731 USD	7448 USD
Tỷ lệ lạm phát	0,19%	0,67%	1,06%
Sản phẩm nông nghiệp	Gạo, cao su, sắn, ngô, mía, dừa, dầu cọ, đậu, dứa, cá, gia súc, gia cầm		
Công nghiệp	Du lịch, dệt may, chế biến nông sản, đồ uống, thuốc lá, xi măng, sản xuất công nghiệp nhẹ, linh kiện điện tử, điện máy, nội thất, nhựa, vonfram, thiếc, ô tô và phụ tùng.		
Kim ngạch nhập khẩu	221 tỷ USD	247 tỷ USD	285 tỷ USD
Mặt hàng nhập khẩu chính	Đồ điện tử, dầu mỏ, máy móc công nghiệp, đá quý và kim loại, sắt và thép, phương tiện giao thông và phụ tùng, dụng cụ chính xác, hóa chất hữu cơ		
Top 10 đối tác nhập khẩu 2018	Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Malaysia, UAE, Hàn Quốc, Indonesia, Singapore, Ả Rập Sê Út, Thụy Sĩ		
Kim ngạch xuất khẩu	282 tỷ USD	310 tỷ USD	337 tỷ USD

Mặt hàng xuất khẩu chính	Máy móc công nghiệp, đồ điện tử, phương tiện giao thông và phụ tùng, cao su, nhựa, đá quý và kim loại, dầu mỏ, thịt chế biến, hóa chất hữu cơ, gạo
Top 10 đối tác xuất khẩu 2018	Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Việt Nam, Hồng Kông, Malaysia, Úc, Indonesia, Singapore, Phillipines

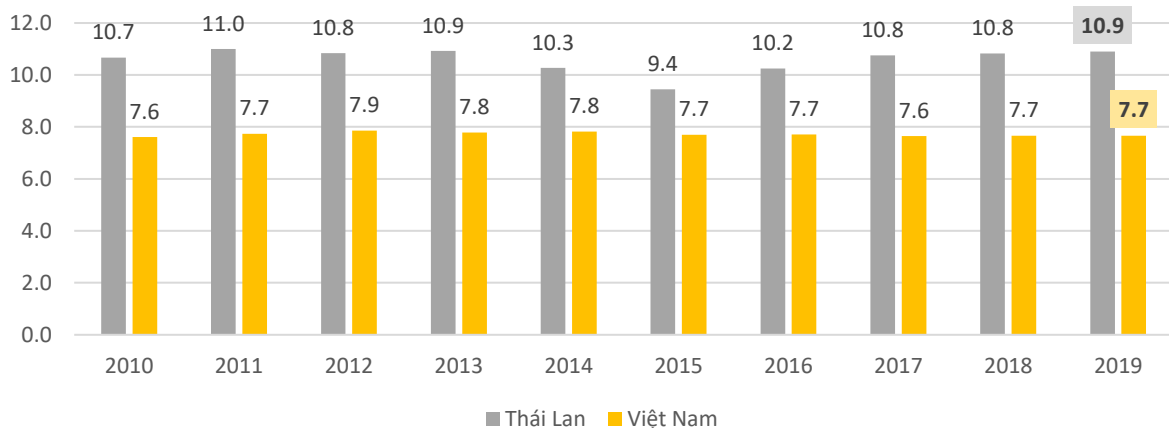
Nguồn: Global EDGE

II. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT LÚA GẠO CỦA THÁI LAN

1. Biến động sản xuất

Gạo là nguồn ngũ cốc chính của Thái Lan. Diện tích sản xuất lúa gạo chiếm tới 90% tổng diện tích sản xuất ngũ cốc và chiếm tới 40-45% tổng diện tích đất nông nghiệp của nước này. Trong 10 năm trở lại đây, diện tích sản xuất lúa gạo của Thái Lan luôn đạt khoảng 9-11 triệu ha, giao động tùy theo điều kiện thời tiết và lượng mưa hàng năm. Năm 2015, diện tích sản xuất lúa gạo của Thái Lan đạt 9,4 triệu ha, mức thấp nhất trong giai đoạn 10 năm trở lại đây, do hiện tượng thời tiết El Nino gây hạn hán nặng ở các tỉnh miền Bắc, khiến các hồ chứa nước của nước này cạn kiệt, không đủ nước cung cấp cho các vụ lúa ở hạ nguồn.

Hình 3: Diện tích sản xuất lúa gạo của Thái Lan so với Việt Nam, trong giai đoạn 2010-2019 (đơn vị: triệu ha)

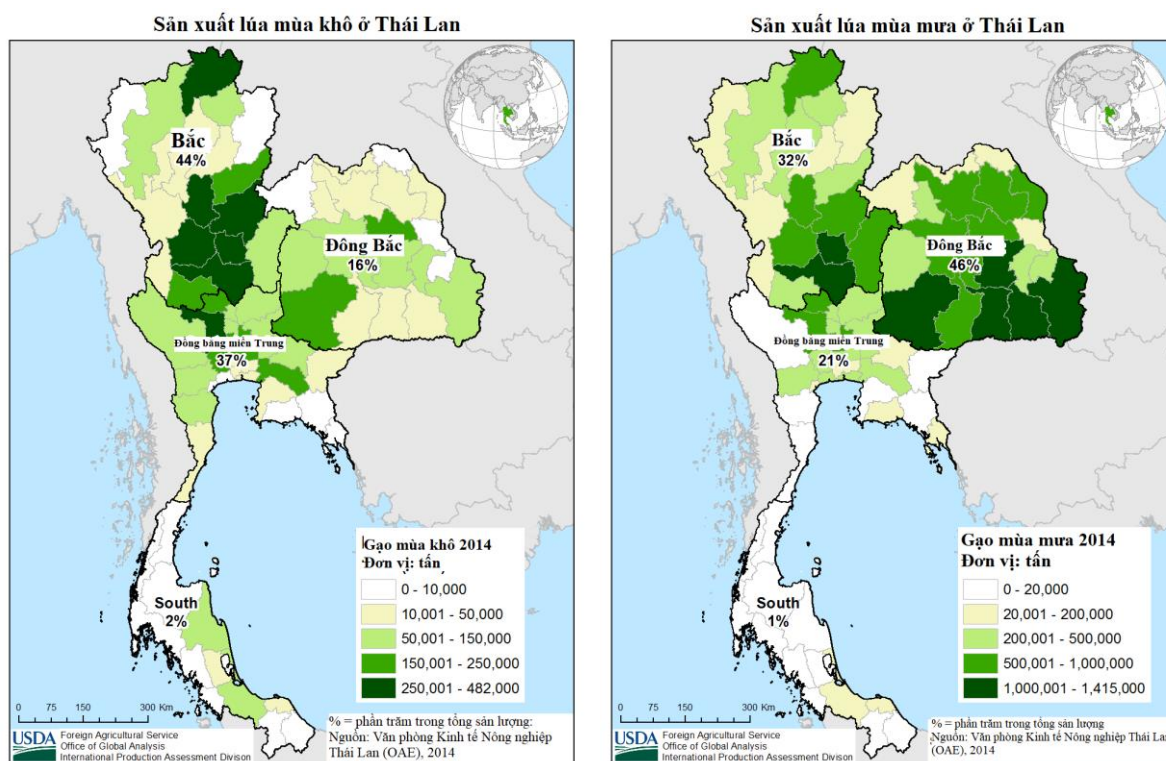


Nguồn: USDA

Khu vực trồng lúa chính của Thái Lan là ở các tỉnh Đông Bắc, chiếm hơn một nửa diện tích sản xuất lúa gạo của nước này. Lúa thường được trồng hai vụ, vụ chính vào mùa mưa: tại các tỉnh miền bắc thường gieo cấy vào tháng 5-7 và thu hoạch vào tháng 11-12; các tỉnh miền nam thường gieo cấy vào tháng 9-11 và thu hoạch vào tháng 3-5). Vụ chính thường chiếm đến 80% tổng sản lượng lúa cả năm của Thái Lan. Vụ phụ vào

mùa khô có diện tích sản xuất thấp hơn do chi phí sản xuất của vụ này cao hơn nhiều so với vụ chính. Tại các tỉnh miền bắc, vụ phụ thường được gieo cấy vào tháng 12-1 và thu hoạch vào tháng 5-6, tại các tỉnh miền nam, vụ phụ thường được gieo cấy vào tháng 4-5 và thu hoạch vào tháng 8-9.

Hình 4: Bản đồ phân bố diện tích sản xuất lúa gạo của Thái Lan



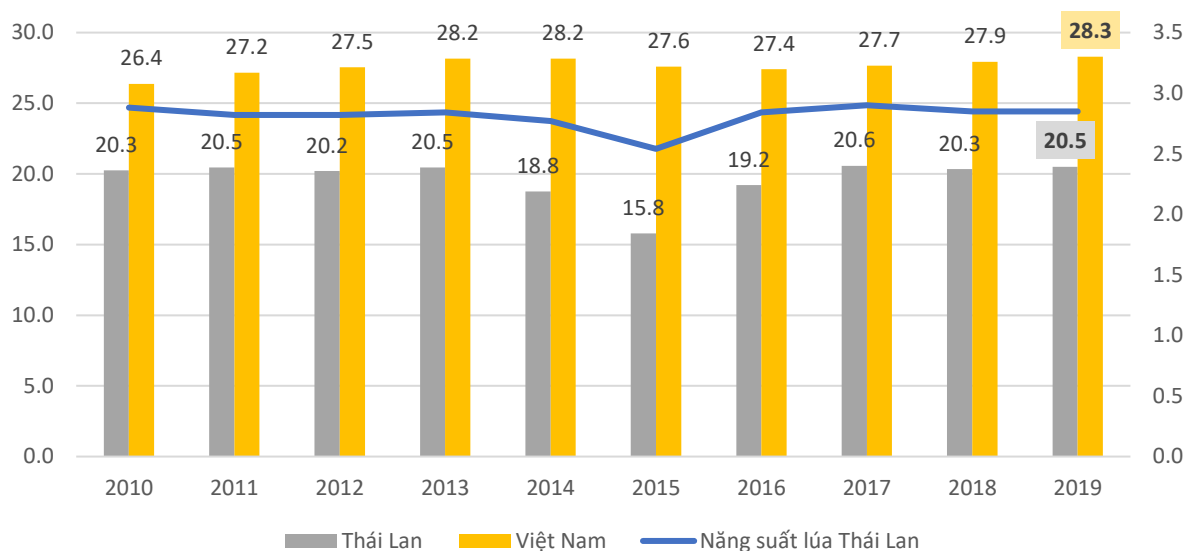
Nguồn: USDA

Theo USDA, trong 10 năm trở lại đây, sản lượng gạo của Thái Lan luôn đạt khoảng 20 triệu tấn/năm với năng suất đạt khoảng 2,8 tấn/ha. Chỉ riêng giai đoạn 2014-2016 có sự sụt giảm mạnh cả về sản lượng và năng suất do ảnh hưởng của hạn hán. Chính phủ Thái Lan thậm chí đã phải ban hành lệnh cấm sản xuất lúa vụ phụ ở một số vùng để tiết kiệm nước. Một nguyên nhân khác dẫn đến sự sụt giảm trong giai đoạn này là do chương trình hỗ trợ giá lúa của Chính phủ kết thúc trong năm 2014, khiến nông dân thiếu động lực sản xuất. Cùng thời gian đó, Chương trình tái cơ cấu ngành lúa gạo giai đoạn 2015-2019 của Thái Lan được thực hiện với chủ trương giảm diện tích lúa và khuyến khích người dân chuyển đổi sang các loại cây trồng khác, có giá trị kinh tế tốt và phù hợp điều kiện tự nhiên hơn.

Năm 2016, nguồn cung nước dồi dào cho hệ thống thủy lợi vào đầu tháng 4 đã đưa diện tích thủy lợi hóa đạt 1,2 triệu ha nhằm khôi phục hoạt động sản xuất bị tác động nặng nề bởi tình trạng thiếu nước năm 2015. Do vậy, sản lượng gạo năm 2016 tăng lên 19,2 triệu tấn, tăng 21,5% so với sản lượng năm 2015. Năm 2017, sản lượng

gạo tăng trở lại mức 20 triệu tấn. Mức tăng này phản ánh sản lượng tăng cả ở vụ chính và vụ hai nhờ điều kiện sản xuất thuận lợi được duy trì.

Hình 5: Sản lượng gạo của Thái Lan so với Việt Nam (đơn vị: triệu tấn) và Năng suất lúa của Thái Lan (đơn vị: tấn/ha)



Nguồn: USDA

Tuy Thái Lan có diện tích sản xuất lúa lớn hơn Việt Nam nhưng sản lượng lại ít hơn do trong những năm gần đây, họ tập trung sản xuất các giống đặc sản, chất lượng cao, thay vì tập trung vào số lượng như tại Việt Nam. Thêm vào đó, lúa tại đồng bằng Sông Cửu Long – vụ lúa chính của Việt Nam thường được sản xuất 2-3 vụ/năm trong khi tại Thái Lan, con số này chỉ là 1-2 vụ/năm.

Các loại gạo được trồng phổ biến tại Thái Lan là gạo nếp, gạo trắng hạt dài và gạo thơm. Gạo nếp thường được tiêu thụ tại địa phương hoặc xuất khẩu sang Lào. Gạo trắng dài và gạo thơm được tiêu thụ trong cả nước và xuất khẩu.

Thái Lan nổi tiếng với nhiều loại gạo đặc sản, có phẩm chất và đặc điểm nổi trội. Tính đến năm 2019, nước này đã có 9 loại gạo đặc sản có chỉ dẫn địa lý (GI) như sau: (1) Gạo Kam của Lanna: Gạo nếp hạt đen dinh dưỡng, ngăn ngừa ung thư; (2) Gạo Luem Phua của Phetchabun: Gạo hạt đen thơm, mềm, ngon và bổ dưỡng; (3) Gạo Jek Choei của Sao Hải: Gạo nở xốp, giữ được hình dạng mà không dễ bị hỏng; (4) Gạo vàng Pathiu của Chumphon: Gạo nở xốp, nấu nhanh chín, và giữ được hình dạng. Nguyên liệu hoàn hảo cho các món ăn đường phố; (5) Gạo Sang Yod của Phatthalung: Gạo hạt dài màu đỏ, dẻo và hương thơm nhẹ. Giàu chất chống oxy hóa; (6) Gạo Thung Kula Rong Hai Hom Mali: Gạo trắng hạt dài Hom Mali ngon nhất của Thái Lan; (7) Gạo Surin Hom Mali: Gạo trắng hạt dài với bề ngoài bóng. Nở mềm và ẩm khi nấu chín; (8) Gạo Hang Hom Sakonhawapi: Gạo lứt hạt vàng óng. Rất bổ dưỡng; (9) Gạo

nếp Khao Wong của Kalasin: Gạo nấu dẻo nhưng không nhão, duy trì dẻo trong một thời gian dài.

Từ đầu thế kỉ 20, sản xuất và xuất khẩu lúa gạo đã là một chính sách có tầm vóc quốc gia ở Thái Lan. Thật vậy, đó đã luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu đối với nhà lãnh đạo cao nhất trên thực tế - và sau này trên danh nghĩa - ở Thái Lan: nhà vua Rama V, tức vị vua lừng lẫy Chulalongkorn, ông cố nội của nhà vua Thái Lan hiện giờ, được tôn xưng là “Người cha của những cải cách ngành lúa gạo Thái Lan”. Ông đã khởi động một chương trình cải cách lớn với sản xuất và phát triển hạ tầng phục vụ ngành lúa gạo. Trong thời gian cai trị dài của mình, 1868 - 1910, vua Chulalongkorn đã cho thành lập Bộ Nông nghiệp để hỗ trợ sản xuất và cải thiện chất lượng gạo, xây dựng những hệ thống thủy lợi mới, cơ giới hóa đồng ruộng, lập trường nông nghiệp và khoa nông học ở các đại học, cử đoàn ra nước ngoài học tập, cũng như hỗ trợ thương mại.

Cháu nội ông, nhà vua quá cố Bhumibol Adulyadej, được Thái Lan vinh danh là “Người cha của nghiên cứu và phát triển gạo” bởi những đóng góp to lớn của ông vào phương pháp canh tác, quản trị sản xuất, ứng dụng công nghệ, giảm bớt tác động của thiên tai... Ngay trong cung điện của mình, điện Chitralada, nhà vua đã cho lập một trung tâm nghiên cứu giống gạo và hỗ trợ tiền bạc hằng năm cho nhiều tổ chức nghiên cứu về gạo, bao gồm Quỹ gạo Thái Lan, Viện Nghiên cứu gạo quốc tế. Đích thân ông đã có vô số chuyến thăm tới khắp các vùng sản xuất gạo trên cả nước, gặp gỡ và lắng nghe người nông dân. “Chính sách của hoàng gia duy trì nghề sản xuất gạo là truyền thống mang tính di sản của Thái Lan và là nền tảng cho sự phát triển bền vững của đất nước” - tờ Phuket News của Thái Lan viết nhân dịp kỷ niệm giỗ đầu của vua Bhumibol vào tháng 10-2017.

2. Hoạt động sơ chế và chế biến sản phẩm

Sự chuyên biệt trong sản xuất, kinh doanh và chế biến từng loại gạo, để phù hợp với yêu cầu của thị trường

Sản xuất lúa gạo và chuỗi giá trị của ngành này đã thay đổi mạnh khắp châu Á từ những năm 1990, nhưng Thái Lan có sự khác biệt. Bắt đầu từ nông trại, “chuỗi giá trị lúa gạo của Thái Lan là một tập hợp các dòng chảy hơn là một chuỗi tổng hợp mọi loại lúa gạo duy nhất, như ở các nước khác” - tác giả Benjavan Rerkasem của Đại học Chiang Mai viết trong nghiên cứu năm 2017: “Chuỗi giá trị lúa gạo: Nghiên cứu tình huống với Thái Lan”. Theo đó, ở Thái Lan, các loại và thứ hạng gạo được giữ tách biệt qua suốt chuỗi giá trị, bắt đầu từ khi sản xuất, rồi qua quá trình chế biến, lưu kho, tiếp thị, đến khi đến với những nhóm người tiêu dùng khác nhau.

Trong bước đầu tiên - sản xuất, người nông dân Thái Lan có nhiều lựa chọn, với sự hỗ trợ từ các quỹ nhà nước, xã hội, các chương trình giống gạo cả nhà nước và tư

nhân..., để hoặc trồng loại lúa truyền thống chất lượng cao nhưng năng suất thấp hơn, hoặc chọn loại có năng suất cao, đại trà, tùy vào tình hình thời tiết, thổ nhưỡng và điều kiện kinh tế của họ.

Trong giai đoạn thứ hai, gạo thu hoạch từ các cánh đồng khác nhau được phân thành những thương hiệu khác nhau trong chuỗi giá trị, rồi những loại gạo khác biệt về chủng loại và đẳng cấp được chế biến, lưu kho, và tiếp thị riêng rẽ. Khi bán ra thị trường cũng vậy, và tất cả những điều này sẽ phát tín hiệu cho người nông dân giữ nguyên hoặc thay đổi lựa chọn sản xuất của họ trong vụ mùa tiếp theo.

Lấy ví dụ, phần lớn gạo nếp ở Thái Lan, có sản lượng 5-7 triệu tấn/năm, được tiêu thụ trong nước, chủ yếu là ở miền Bắc và Đông Bắc, nơi nó là loại gạo được sử dụng hằng ngày, và để nấu các món xôi ở vùng còn lại trong nước; chỉ 2-5% gạo nếp là được xuất khẩu. Gạo đồ (parboiled rice, tức gạo thu hoạch sau khi xử lý thóc bằng cách ngâm nước nóng hoặc sấy hơi nước, phơi khô, rồi mới xay xát, đánh bóng...), trong khi đó, hoàn toàn dành cho xuất khẩu. Loại gạo này hầu như không được biết tới ở Thái Lan, trừ với dân trong ngành.

Gạo xuất khẩu cũng được phân biệt: các loại gạo khác nhau dành cho những thị trường khác nhau. Loại gạo hương lái cao cấp của Thái Lan, Hom Mali, chủ yếu chỉ dành cho các thị trường Mỹ, Trung Quốc và Hong Kong. Gạo trắng, loại phổ thông và giá thấp hơn, được xuất sang các nước châu Á khác và sang châu Phi. Trong khi đó, 84% gạo đồ xuất khẩu trong năm 2016 chỉ là sang 5 nước: Benin, Nam Phi, Nigeria, Yemen và Cameroon. Trong khi đó, Trung Quốc - thị trường lớn thứ hai của gạo Thái Lan trong năm 2016 - không hề nhập gạo đồ mà chỉ nhập gạo trắng (72%) và Hom Mali (28%).

Nhà nước đóng vai trò điều phối, kết nối các tác nhân trong chuỗi giá trị gạo và cung cấp, tổng hợp thông tin để người sản xuất theo kịp yêu cầu thị trường

Chính phủ Thái Lan chú trọng việc cung cấp thông tin chuẩn xác trên các trang như: trang thông tin của Bộ Công thương, Văn phòng Xúc tiến Thương mại, Hiệp hội Xuất khẩu gạo Thái Lan (TREA): http://www.thairiceexporters.or.th/default_eng.htm, để giúp những nhà xuất khẩu Thái Lan hiểu và đáp ứng được nhu cầu của từng thị trường đặc thù, qua đó nâng cao sức cạnh tranh và giá bán của gạo Thái, giúp định hướng một phần, thay vì chỉ chạy theo thị trường. Điều đó giúp phát đi tín hiệu để người sản xuất lúa gạo điều chỉnh theo ở các vụ mùa sắp tới.

Hàng loạt bước cải cách gần đây ở giai đoạn hai và ba của quá trình sản xuất - chế biến - bán hàng cũng đã giúp các loại gạo có tính vùng miền, sản lượng hạn chế của Thái Lan thương mại hóa tốt hơn. Điều này bao gồm phát triển các xưởng xay xát quy mô nhỏ và trung bình chế biến 0,5 - 20 tấn lúa một ngày, việc đóng gói và gắn thương

hiệu ngay tại xưởng xay xát để đưa thẳng ra các cửa hàng bán lẻ, và một số trường hợp cả để xuất khẩu. Sự tham gia trực tiếp của người nông dân vào thị trường bán lẻ gạo xát đã giúp rút ngắn chuỗi giá trị và cho tới rất gần đây, mạng xã hội bắt đầu được sử dụng trong việc mua bán gạo.

Ví dụ về trường hợp gạo Hom Mali

Những cải cách đó đã giúp người nông dân, các cộng đồng nông nghiệp, và doanh nghiệp, hưởng lợi nhiều hơn từ việc sản xuất các loại gạo đặc sản, như gạo hữu cơ, gạo Nhật, và loại gạo mà người Thái vẫn luôn tự hào: Hom Mali, tức gạo thơm hương lài.

Dù tổng sản lượng gạo Hom Mali hữu cơ có chừng chỉ là rất nhỏ, chỉ khoảng 0,1% tổng sản lượng cả nước vào năm 2016, 37 cộng đồng nông dân ở vùng Đông Bắc và Bắc đất nước có lợi nhuận lớn từ việc sản xuất loại gạo đặc sản này do người sản xuất tham gia sâu vào giai đoạn hai và ba của chuỗi giá trị.

Chính quyền Thái Lan đã đóng một vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ thương hiệu gạo Hom Mali, thông qua các pháp nhân tại địa phương đăng ký bản quyền cho thương hiệu này ở hầu hết các thị trường xuất khẩu quan trọng (tính tới năm 2002, thương hiệu Hom Mali đã được đăng ký bản quyền ở 55 quốc gia), thông qua các đạo luật quy định tỉ mỉ và rõ ràng các tiêu chí để gạo được xếp loại Hom Mali, cũng như tổ chức các sự kiện để quảng bá thương hiệu này.

Trong một sự kiện như thế, ở Hội nghị lúa gạo thế giới 2017, Hom Mali được chính thức tuyên bố là loại gạo ngon nhất thế giới, với các giám khảo là các đầu bếp danh giá, theo Bangkok Post tháng 11-2017.

Để hiểu được tầm quan trọng và giá trị của các sự kiện như thế này, chỉ cần thực hiện một so sánh nhỏ: theo TREA, giá gạo Hom Mali tháng 3-2019 là vào khoảng 1.140 USD/tấn, trong khi đó giá gạo hương lài đặc sản của Việt Nam là khoảng 480 USD/tấn.

Thị trường mua bán thóc để xay sát

Thị trường mua bán lúa của Thái Lan gồm có các nhóm chủ thể tham gia như sau: nông dân, hợp tác xã/tổ hợp tác, thương lái, đầu mối thu mua tại các chợ đầu mối, cơ sở xay xát, nhà xuất khẩu và chính phủ.

Nông dân Thái Lan có thể phân chia thành 2 nhóm: nông trang (trồng lúa trên qui mô lớn, diện tích thường trên 3 ha) và nông trại. 90% nông dân Thái Lan canh tác trên đất đai thuộc quyền sở hữu của mình. Số còn lại canh tác trên đất thuê. Nông dân Thái Lan có thể dễ dàng tiếp cận vốn từ Ngân hàng phát triển nông nghiệp bằng cách thế chấp ruộng đất mình sở hữu.

Nông trang chủ yếu trồng lúa theo các hợp đồng thương mại ký kết với các cơ sở xay xát hoặc một số doanh nghiệp xuất khẩu. Trong khi đó nông trại trồng lúa một phần để cung cấp lương thực cho bản thân gia đình một phần để bán ra bên ngoài. Các nông trại bán lúa chủ yếu cho thương lái địa phương. Phần còn lại bán trực tiếp cho các cơ sở xay xát hoặc các đầu mối thu mua tại các chợ đầu mối. Ước tính có khoảng 44% lượng lúa gạo của Thái Lan được sản xuất bởi các nông trại. Khoảng 60% các nông trại trồng lúa nếp (glutinous rice) để tự tiêu dùng và bán cho thị trường địa phương. Số nông trại còn lại và các nông trang trồng lúa tẻ (gạo tẻ trắng dài hoặc gạo thơm) vì mục đích thương mại: được tiêu thụ khắp cả nước hoặc xuất khẩu.

Hợp tác xã/tổ hợp tác là hình thức liên kết giữa các nông trại nhằm mục đích tương trợ lẫn nhau cả về đầu vào sản xuất, tài chính, tăng quy mô sản xuất hoặc tăng khả năng thỏa thuận giá bán đầu ra với các thương lái địa phương. Mỗi hợp tác xã/tổ hợp tác thường có tối thiểu 30 hộ nông dân và có tư cách pháp nhân riêng. Các hợp tác xã/tổ hợp tác thường đầu tư cả công đoạn xay xát để bán gạo trực tiếp cho các đầu mối bán buôn, cho các nhà xuất khẩu, hoặc trực tiếp đến người tiêu dùng cuối cùng của một số quốc gia nhập khẩu gạo.

Thương lái là những người ở địa phương hoặc ở thành phố, thường có điều kiện về phương tiện giao thông và kho cất trữ lúa, đến thu mua lúa của nông dân. Đôi khi các thương lái cung cấp các đầu vào (phân bón, giống, thuốc trừ sâu, vốn...) cho nông dân vào đầu vụ để đổi lấy việc thu mua lúa vào cuối vụ. Thương lái địa phương chủ yếu bán lại lúa cho các đầu mối thu mua tại các chợ đầu mối hoặc cho các cơ sở xay xát. Các thương lái cũng có thể thuê xay xát và sau đó bán lúa cho các thương nhân hoặc doanh nghiệp cung ứng gạo.

Đầu mối thu mua (assemblers) tại các chợ đầu mối thu mua lúa của các nông trại hoặc của các thương lái địa phương. Sau khi thu mua, các đầu mối thu mua sẽ bán lại cho các cơ sở xay xát. Họ cũng có thể thuê các cơ sở xay xát và bán gạo cho các thương nhân hoặc doanh nghiệp cung ứng. Các giao dịch giữa đầu mối thu mua và các cơ sở xay xát hoặc thương lái diễn ra tại chợ đầu mối. Các chợ đầu mối có thể do nhà nước hoặc tư nhân lập ra. Ở Thái Lan, có 3 chợ trung tâm do Ngân hàng hợp tác xã nông nghiệp (Bank for Agricultural Cooperatives (BAAC)) được đặt ở 3 vùng sản xuất gạo chính (phía Bắc, Đông Bắc và vùng Trung tâm). Các khu vực khác, gồm 176 vùng ngoại ô, do Vụ khuyến nông, Bộ Nông nghiệp và hợp tác xã quản lý.

Cơ sở xay xát có nhiều loại. Đa số là các cơ sở xay xát truyền thống phục vụ việc xay xát các loại lúa cho tiêu dùng tại địa phương; số còn lại là các cơ sở xay xát thuộc hợp tác xã, thuộc các doanh nghiệp chế biến, hoặc các cơ sở xay xát thuê. Đa phần các cơ sở xay xát nhỏ thực hiện dịch vụ xay xát thuê cho các hộ nông dân và thương lái. Chỉ có các cơ sở xay xát lớn có kho chứa là đầu tư trữ lúa trong vụ gặt sau đó xay xát

và bán trong các thời điểm khác nhau. Các cơ sở thương lái đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải thông tin về giá. Họ là trung gian kết nối giữa các nhà môi giới, xuất khẩu và nông dân. Họ chính là người định giá thu mua lúa trên thị trường và phát tín hiệu ngược trở lại cho khu vực môi giới và xuất khẩu để định giá gạo.

Các nhà xuất khẩu thường có cơ sở xay xát riêng và thu mua lúa trực tiếp từ nông trang, hợp tác xã cũng như các đầu mối thu mua tại các chợ đầu mối để xay xát thành gạo phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu của mình. Tỷ lệ gạo xuất khẩu được doanh nghiệp xuất khẩu chế biến từ thu mua lúa trực tiếp thường không nhiều. Chính phủ Thái Lan đã đưa ra chính sách thu mua lúa thóc của nông dân với mức giá bảo hộ (Price Guarantee Program) và cho phép nông dân mua lại trong vòng 9 tháng, kèm theo lãi suất khoảng 3%/năm (Mortgage Programme). Chính sách trợ giá gạo này tuy đảm bảo lợi nhuận cho người nông dân nhưng tiêu tốn khoảng 4 tỷ USD mỗi năm và đã bị chấm dứt kể từ 28/02/2014.

Các doanh nghiệp xuất khẩu tìm kiếm khách hàng qua marketing của chính mình hoặc qua thực hiện hạn ngạch phân bổ từ các hợp đồng G2G (hợp đồng giữa chính phủ và chính phủ) theo sự điều phối của Phòng thương mại xuất khẩu thuộc Bộ thương mại Thái Lan. Hiện nay, hoạt động xuất khẩu thông qua các hợp đồng G2G chiếm khoảng 20% tổng lượng xuất khẩu gạo của Thái Lan.

3. Chính sách hỗ trợ sản xuất

Nhìn chung, người nông dân Thái Lan nói chung và người nông dân trồng lúa tại nước này nói riêng được hưởng nhiều ưu đãi về vốn, bảo hiểm; và được miễn thuế nông nghiệp. Ngoài hỗ trợ việc phát triển và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, Chính phủ Thái Lan hỗ trợ các chương trình tiếp thị, tìm kiếm địa chỉ xuất khẩu những sản phẩm sau thu hoạch và chế biến nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho tiêu thụ nông sản thông qua việc đẩy mạnh hình thức hợp đồng “chính phủ với chính phủ”; và đồng bộ hóa các chính sách để bảo đảm tính liên thông từ khâu gieo trồng, sản xuất đến bao tiêu xuất khẩu và giảm rủi ro cho người nông dân.

Chính sách trợ giá nông sản

Chính phủ Thái Lan thực hiện trợ giá cho nông dân đối với các nông sản chủ yếu như gạo, cao su, trái cây,... Khi giá thị trường thấp, Chính phủ đã dùng ngân sách bao tiêu nông sản cho nông dân. Việc trợ giá nông sản không chỉ thực hiện ở việc mua nông sản với giá ưu đãi, mà nông dân trồng lúa còn được hưởng những ưu đãi như mua phân bón với giá thấp, miễn cước vận chuyển phân bón, được cung cấp giống mới có năng suất cao, được vay vốn lãi suất thấp từ ngân hàng nông nghiệp,... Để thực hiện tốt chính sách hỗ trợ này, Chính phủ Thái Lan sử dụng các chuyên viên cao cấp phụ trách chương trình với nhiệm vụ giám sát từ việc sản xuất, phân phối, chế biến, giá cả cho đến tìm thị trường xuất khẩu mới.

Ngày 17/7/2018, chính phủ Thái Lan đã phê chuẩn các chính sách hỗ trợ sản xuất lúa gạo trị giá 90 tỷ Baht (2,8 tỷ USD) để bình ổn giá gạo vụ chính niên vụ 2018/19 sẽ thu hoạch vào khoảng tháng 11/2018. Các chính sách hỗ trợ sản xuất nội địa được phê chuẩn bao gồm: (a) Chương trình thế chấp lúa; (b) Chương trình hỗ trợ tiền mặt trực tiếp; và (c) Chương trình bù lãi vay. Chính phủ Thái Lan đặt mức cho vay trong chương trình thế chấp lúa vụ chính 2018/19 ở mức cao hơn 4 – 9% so với vụ chính 2017/18 đối với phần lớn các loại gạo, ngoại trừ gạo nếp mức hỗ trợ thấp hơn 6% so trong cùng kỳ so sánh. Tuy nhiên, mức cho vay đối với lúa gạo thơm đang thấp hơn 12 – 24% so với giá thị trường hiện tại; trong khi mức cho vay đối với lúa gạo trắng tương đương giá thị trường. Trong khi đó, mức cho vay đối với lúa gạo nếp cao hơn 15% so với giá trị thị trường. Ngoài ra, nông dân tham gia vào chương trình thế chấp lúa sẽ nhận được hỗ trợ chi phí lưu kho 1.500 Baht/tấn (46 USD/tấn). Mục tiêu của chương trình là đạt 2 triệu tấn lúa gạo.

Chương trình hỗ trợ tiền mặt trực tiếp dành cho các khoản chi phí thu hoạch và sau thu hoạch, lên đến 1.500 Baht/rai (288 USD/ha) cho tối đa 12 rai (1,9ha) mỗi hộ gia đình. Chương trình bù lãi suất là dành cho các thương nhân và các nhà chế biến gạo để giữ lúa gạo trong kho trong vòng 2 – 6 tháng, và dành cho các tổ chức nông dân để thu mua lúa với mục tiêu đạt 7 triệu tấn lúa thu mua trong giai đoạn tháng 10-12/2018. Xét đến mục tiêu lúa gạo theo chương trình hỗ trợ lãi suất, tổng lượng gạo mục tiêu theo các chính sách hỗ trợ sản xuất nội địa sẽ là khoảng 9 triệu tấn lúa, tương đương 40% tổng sản lượng lúa vụ chính của Thái Lan.

Chính sách đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới trong nông nghiệp

Do diện tích đất nông nghiệp có hạn nên Thái Lan đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhằm cải tạo đất trồng, lai tạo các giống cây trồng mới có khả năng thích ứng với những vùng đất canh tác bạc màu, khô hạn. Để giữ và nâng cao độ phì nhiêu đất nông nghiệp, Thái Lan sử dụng các loại phân bón hữu cơ, phân vi sinh và thuốc trừ sâu sinh học. Thông qua đó, vừa giúp sử dụng quỹ đất hiệu quả, giảm nhập khẩu phân bón và nâng cao xuất khẩu nông sản hữu cơ sạch.

Ở Thái Lan hiện nay, mức độ cơ giới hóa đã bao phủ từng thửa ruộng. Ngay cả những khâu sau thu hoạch cũng được cơ giới hóa toàn bộ. Nhưng bí quyết thành công của nông dân Thái Lan chính là sự kết hợp khéo léo giữa kinh nghiệm canh tác truyền thống với việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới. Bởi do điều kiện tự nhiên khác nhau nên nhiều vùng cần phải có những công nghệ và kỹ thuật canh tác đặc thù. “Nút thắt cổ chai” trong việc nâng cao chất lượng nông sản theo hướng phát triển bền vững đã được các nhà khoa học tháo gỡ bằng công nghệ sinh học (công nghệ biến đổi gen, lai tạo giống cây trồng, vật nuôi,...).

Chính sách cơ cấu lại công nghiệp nông thôn

Chính phủ Thái Lan đã tập trung vào các công việc: Cơ cấu lại ngành nghề phục vụ phát triển công nghiệp nông thôn, xem xét, đánh giá đầy đủ các nguồn tài nguyên, những kỹ năng truyền thống, nội lực, tiềm năng trong lĩnh vực sản xuất và tiếp thị,... Từ đó, tập trung phát triển các ngành mũi nhọn như sản xuất hàng nông sản, thủy sản, hải sản phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

Công nghiệp chế biến thực phẩm Thái Lan phát triển mạnh nhờ thực hiện một số chương trình hỗ trợ sau:

- Thực hiện chương trình “Một làng một sản phẩm” (One tambon, One product - OTOP), tức là mỗi làng làm ra một sản phẩm tiêu biểu, đặc trưng và có chất lượng cao; chương trình “Quỹ Làng” (Village Fund Program) nghĩa là mỗi làng sẽ nhận được một triệu baht từ Chính phủ cho dân làng vay mượn để phát triển kinh tế - xã hội. Trên thực tế đã có trên 75.000 ngôi làng ở Thái Lan được nhận khoản vay này.

- Chương trình: “Thái Lan là bếp ăn của thế giới” nhằm khuyến khích các nhà chế biến và nông dân có những hành động thiết thực kiểm soát chất lượng vệ sinh thực phẩm, đảm bảo an toàn cho hàng nông sản xuất khẩu và người tiêu dùng.

Chính sách mở rộng thị trường để thu hút đầu tư mạnh mẽ của nước ngoài cho nông nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến thực phẩm

Chính phủ Thái Lan đã có chính sách trợ cấp ban đầu cho các nhà máy chế biến và đầu tư trực tiếp vào các kết cấu hạ tầng như cảng, kho lạnh, sàn đấu giá và đầu tư vào nghiên cứu và phát triển; xúc tiến phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đây là trách nhiệm của Cục xúc tiến Công nghiệp, Cục xúc tiến Nông nghiệp, Cục Hợp tác xã, Cục thủy sản, cơ quan tiêu chuẩn sản phẩm công nghiệp trực thuộc Bộ Công nghiệp và Bộ Nông nghiệp.

Chính sách đào tạo kỹ thuật canh tác, chuyển giao công nghệ cho nông dân

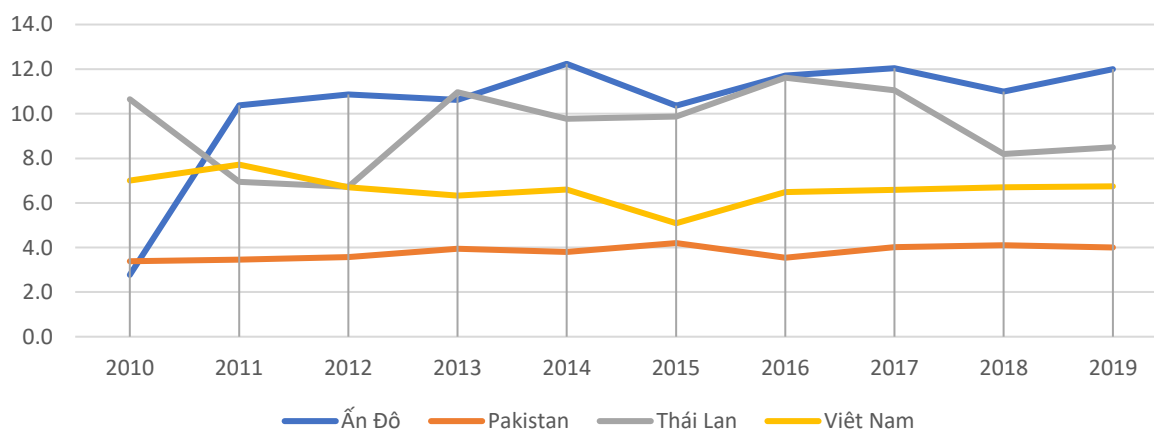
Công tác đào tạo kỹ thuật, nâng cao nhận thức cho người nông dân được coi trọng. Nhiều trường đại học, cao đẳng, trung học mở các khóa học tại chỗ về kỹ thuật canh tác, chuyển giao công nghệ nhằm thu hút và nâng cao trình độ nguồn nhân lực nông nghiệp. Thí dụ trường Chulalongkorn (lọt vào top 200 trường đại học hàng đầu thế giới) đã đầu tư thiết bị thí nghiệm hiện đại, hợp tác với chuyên gia từ những nước đi đầu trong nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp, đồng thời tạo cơ chế đãi ngộ cho nhiều nghiên cứu sinh trẻ sang nghiên cứu tại các trường đại học ở Mỹ, Nhật Bản và châu Âu. Nhờ những hướng đi đúng đắn trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nên những vùng đất hoang, địa hình đồi núi dốc và cả những vùng khô cằn cũng được khai thác, sử dụng trồng không chỉ có ngô, lúa nương, mà còn trồng được nhiều loại lúa cao sản với năng suất cao.

III. THỰC TRẠNG THƯƠNG MẠI LÚA GẠO CỦA THÁI LAN

1. Xuất khẩu

Trong 9 năm trở lại đây, Thái Lan luôn là nước xuất khẩu gạo thứ hai thế giới với tổng lượng xuất khẩu đạt khoảng 8-10 triệu tấn mỗi năm. Từ năm 2007, giá gạo trên thị trường thế giới bắt đầu tăng. Trong khi Việt Nam và Ấn Độ hạn chế xuất khẩu gạo thì Thái Lan lại khuyến khích mở rộng thị trường. Lượng gạo xuất khẩu tăng từ 7,4 triệu tấn năm 2005 lên 10 triệu tấn năm 2007, tương đương tăng 35%. Cuối năm 2008, Thái Lan bắt đầu tăng cường dự trữ gạo, xuất khẩu gạo giảm để cạnh tranh với gạo giá thấp hơn từ Việt Nam. Trong giai đoạn 2008-2010, Thái Lan vẫn chi phối thị trường gạo thế giới với lượng xuất khẩu dao động trong khoảng 9-10 triệu tấn. Các yếu tố thúc đẩy xuất khẩu gạo Thái Lan gồm: tăng dự trữ và xuất khẩu gạo đúng thời điểm, Ấn Độ giảm xuất khẩu gạo non-batisma. Tuy nhiên, sự cạnh tranh từ Ấn Độ và Việt Nam đã khiến xuất khẩu gạo Thái Lan giảm nhẹ vào năm 2011, 2012. Theo USDA, lượng gạo xuất khẩu giảm khoảng 7 nghìn tấn mỗi năm. Từ năm 2013, lượng gạo xuất khẩu Thái Lan tăng trở lại và đạt mức kỷ lục gần 12 triệu tấn vào năm 2016, nhờ việc xả gạo tồn kho của nước này. Theo USDA, năm 2019, xuất khẩu gạo của Thái Lan ước đạt 8,5 triệu tấn, tăng 4% so với năm 2018.

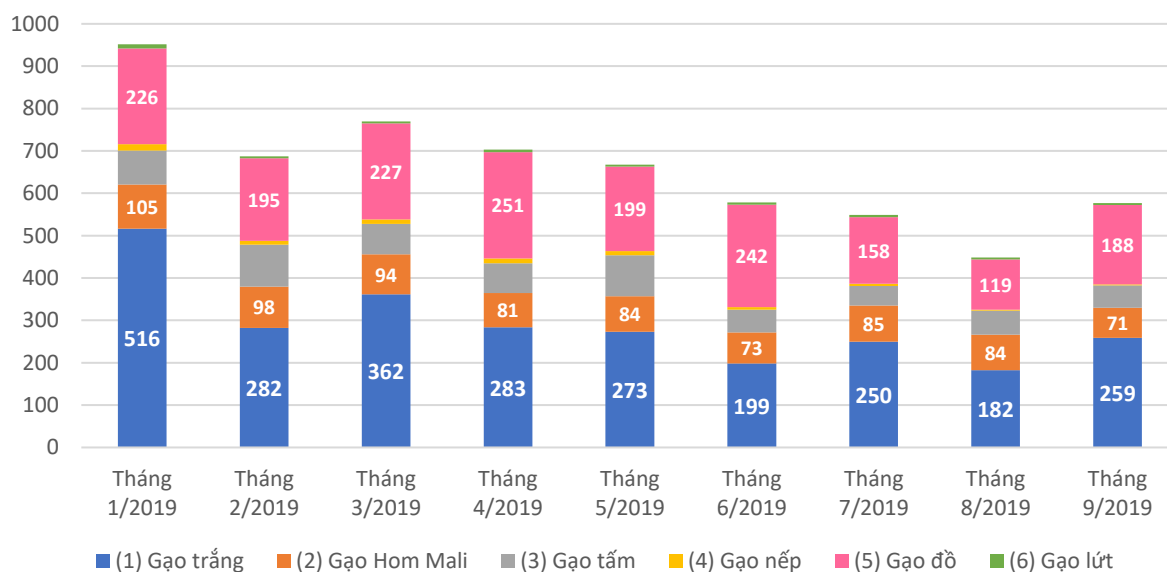
Hình 6: Khối lượng xuất khẩu gạo trong giai đoạn 2010-2019 của Ấn Độ, Pakistan, Thái Lan và Việt Nam (đơn vị: triệu tấn)



Nguồn: USDA

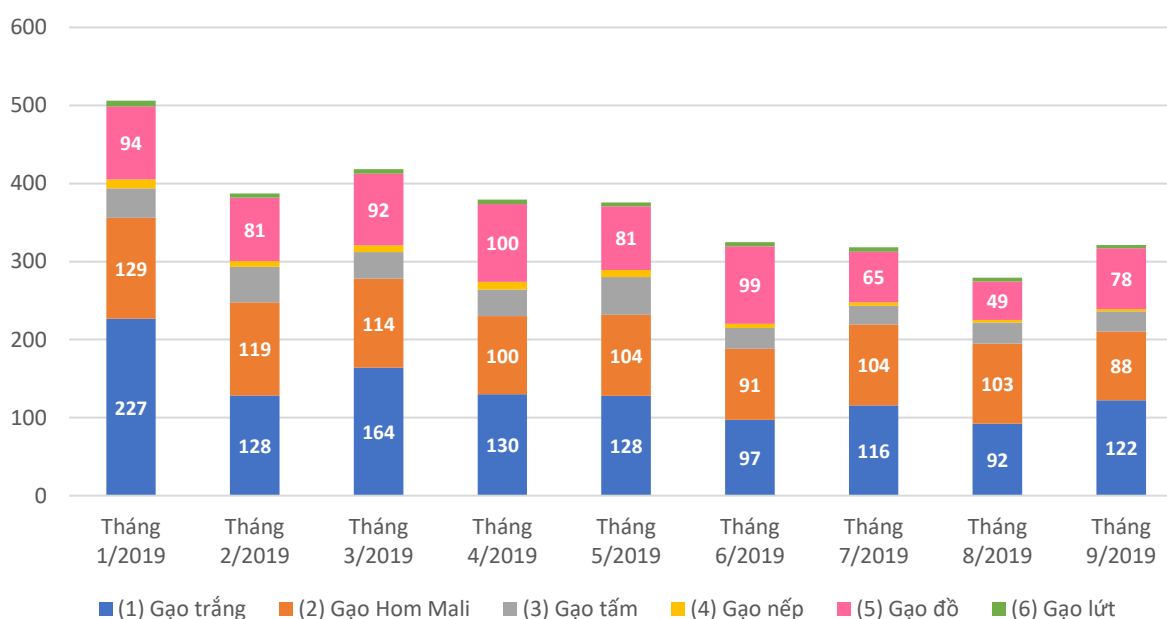
Các loại gạo xuất khẩu chủ yếu của Thái Lan bao gồm: gạo trắng, gạo Hom Mali, gạo tằm, gạo nếp, gạo đò và gạo lứt. Trong đó, nếu xét về giá trị thì gạo trắng và gạo Hom Mali là 2 loại gạo chính đóng góp lớn vào xuất khẩu của Thái Lan. Khối lượng xuất khẩu gạo Hom Mali tuy nhỏ nhưng giá trị xuất khẩu loại gạo này đóng góp lại rất cao do đơn giá xuất khẩu trung của gạo Hom Mali thường đạt trên 1000 USD/tấn. Gạo lứt và gạo nếp của Thái Lan cũng có đơn giá xuất khẩu khá cao, thường đạt khoảng 700-1000 USD/tấn.

Hình 7: Khối lượng xuất khẩu gạo của Thái Lan phân theo loại gạo, trong 9 tháng đầu năm 2019 (đơn vị: nghìn tấn)



Nguồn: Hiệp hội Xuất khẩu Gạo Thái Lan

Hình 8: Giá trị xuất khẩu gạo của Thái Lan phân theo loại gạo, trong 9 tháng đầu năm 2019 (đơn vị: triệu USD)

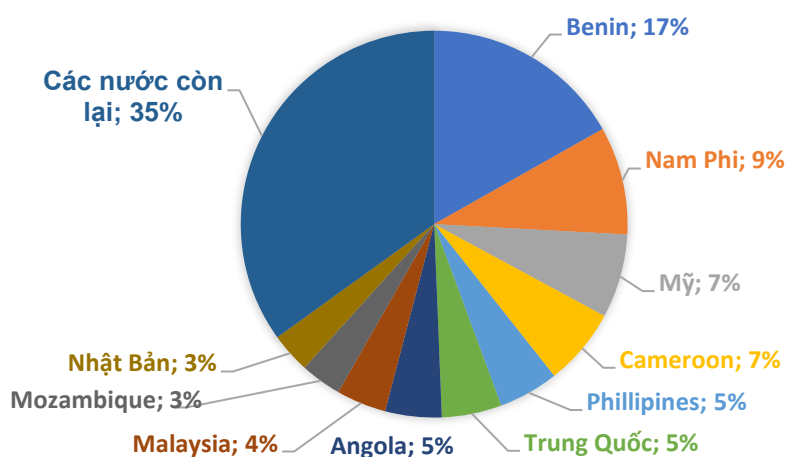


Nguồn: Hiệp hội Xuất khẩu Gạo Thái Lan

Các thị trường xuất khẩu chính của Thái Lan trong 9 tháng đầu năm 2019 là (1) Benin: 997 nghìn tấn trị giá 403 triệu USD; (2) Nam Phi: 536 nghìn tấn trị giá 224 triệu USD; (3) Mỹ: 419 nghìn tấn trị giá 474 triệu USD; (4) Cameroon: 384 nghìn tấn trị giá 161 triệu USD; (5) Phillipines: 298 nghìn tấn trị giá 118 triệu USD; (6) Trung Quốc: 297 nghìn tấn trị giá 182 triệu USD; (7) Angola: 280 nghìn tấn trị giá 124 triệu USD;

(8) Malaysia: 248 nghìn tấn trị giá 102 triệu USD; (9) Malaysia: 203 nghìn tấn trị giá 87 triệu USD và (10) Nhật Bản: 199 nghìn tấn trị giá 85 triệu USD.

Hình 9: Tỷ trọng xuất khẩu gạo của Thái Lan phân theo thị trường trong 9 tháng đầu năm 2019

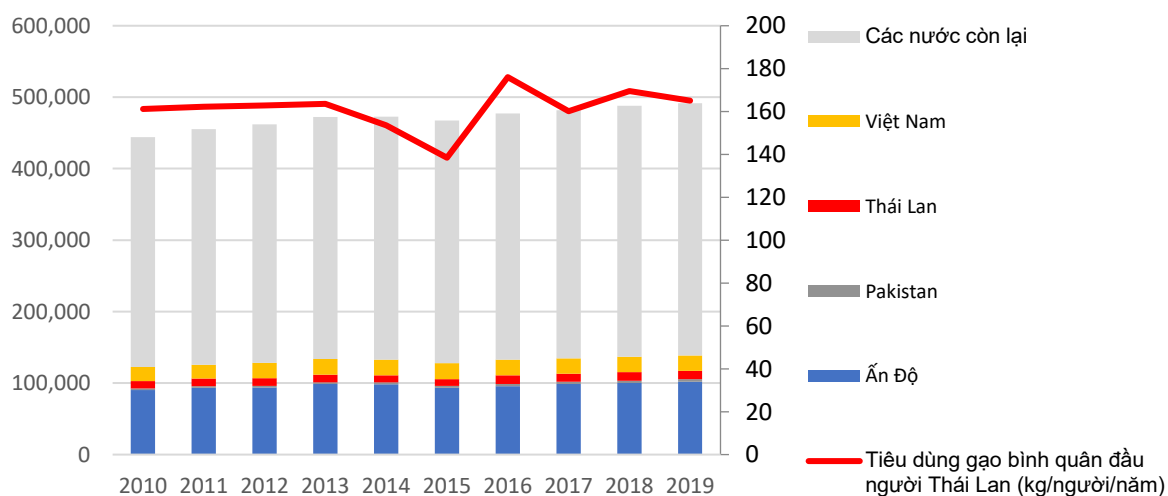


Nguồn: Hiệp hội Xuất khẩu Gạo Thái Lan

2. Tiêu dùng trong nước

Tiêu dùng gạo bình quân đầu người ở Thái Lan chỉ ở mức trung bình thế giới dù lúa gạo là nguồn ngũ cốc chính của nước này, do chế độ ăn của người Thái đang dần tây hóa, chuyển từ gạo sang các thực phẩm khác như cá, thịt, bột mì,... Năm 2019, mức tiêu thụ gạo bình quân đầu người ở Thái Lan là 165 kg gạo/người/năm. Tổng lượng tiêu dùng gạo của Thái Lan cũng không cao, chỉ chiếm khoảng 2,3% tổng lượng tiêu dùng gạo của thế giới.

Hình 10: Tiêu dùng gạo của Thái Lan so với thế giới và Tiêu dùng gạo bình quân đầu người ở Thái Lan (kg/người/năm) trong giai đoạn 2010-2019

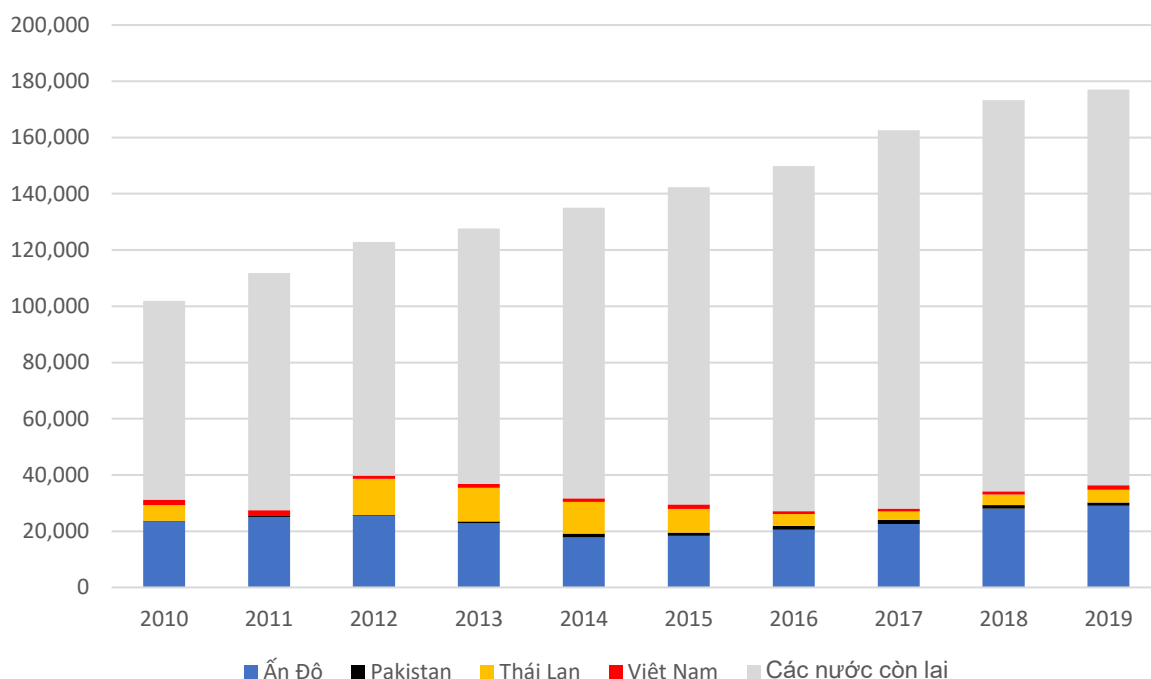


Nguồn: USDA

3. Dự trữ

Năm 2019, lượng gạo dự trữ của Thái Lan ước đạt 4,54 triệu tấn, chiếm khoảng 2,6% tổng lượng gạo dự trữ của thế giới. Trong giai đoạn 2012-2014, lượng gạo dự trữ của Thái Lan đã từng đạt đỉnh điểm khoảng 12 triệu tấn, do chính phủ Thái Lan lúc bấy giờ tăng cường thu mua trợ giá cho nông dân nhưng lại không tìm kiếm được đầu ra. Từ năm 2015, chính phủ mới bắt đầu xả gạo tồn kho, đưa mức dự trữ gạo của Thái Lan về mức bình thường.

Hình 11: Lượng gạo dự trữ của Thái Lan so với thế giới (đơn vị: nghìn tấn)



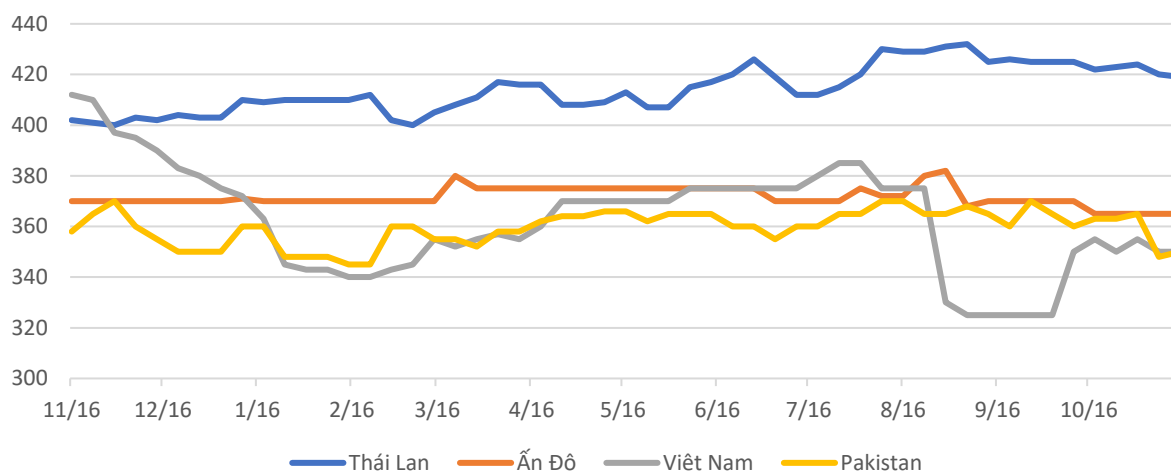
Nguồn: USDA

4. Biến động giá cả

Trong một năm trở lại, giá gạo xuất khẩu của Thái Lan, Ấn Độ, Việt Nam và Pakistan có sự phân hóa rõ rệt. Cùng loại gạo trắng thường, nhưng gạo Thái Lan luôn có mức giá cao nhất, chủ yếu do sự tăng giá của đồng Bạt so với đồng USD và do gạo Thái Lan có thương hiệu tốt trên thị trường. Gạo Ấn Độ, Pakistan và Việt Nam thường có mức giá gần bằng nhau do đều chưa xây dựng được thương hiệu, chú trọng vào số lượng hơn là chất lượng.

Tuy nhiên việc giá gạo Thái Lan tăng vọt nhưng hiện nay lại không hẳn là một tín hiệu đáng mừng cho nền xuất khẩu gạo của nước này, do giá gạo nước này không còn cạnh tranh so với các nhà xuất khẩu lớn khác như Ấn Độ, Việt Nam cũng như các nhà xuất khẩu mới nổi là Pakistan, Myanmar và Campuchia.

Hình 12: Giá gạo trắng 5% tẩm xuất khẩu của Thái Lan, Ấn Độ, Việt Nam và Pakistan từ 11/2018 đến 11/2019 (đơn vị: USD/tấn)



Nguồn: Hiệp hội Xuất khẩu gạo Thái Lan

Tuy nguồn thu từ xuất khẩu gạo của Thái Lan vẫn chủ yếu đến từ gạo trắng, các sản phẩm gạo đặc sản của Thái Lan như gạo Hom Mali, gạo Jasmine,... vẫn đóng vai trò quan trọng trong xuất khẩu gạo của nước này. Bởi các loại gạo này rất được ưa chuộng trên thị trường và thường có giá từ 700-1000 USD/tấn, gấp 1,5-2 lần giá gạo trắng thông thường.

Giá xuất khẩu (FOB) một số loại gạo đặc sản của Thái Lan trong năm 2019 (đơn vị: USD/tấn)

Loại	Tháng 1/2019	Tháng 2/2019	Tháng 3/2019	Tháng 4/2019	Tháng 5/2019	Tháng 6/2019	Tháng 7/2019	Tháng 8/2019	Tháng 9/2019
Gạo Thái Hom Mali cao cấp (vụ 2017/18)	1.204	1.225	1.194	1.184	1.187	1.212	1.226	1.244	1.252
Gạo Thái Hom Mali 100% (vụ 2017/18)	1.172	1.192	1.162	1.153	1.155	1.178	1.193	1.211	1.218
Gạo Thái Hom Mali cao cấp (vụ 2018/19)	1.204	1.225	1.194	1.184	1.187	1.187	1.172	1.257	1.298
Gạo Thái Hom Mali 100% (crop 2018/19)	1.156	1.175	1.145	1.136	1.139	1.137	1.122	1.207	1.248
Gạo Thái Jasmine	792	715	716	737	719	704	679	743	743
Gạo nếp trắng 10% - Vụ chính	831	853	853	929	999	1.019	1.064	1.464	1.422
Gạo nếp trắng 10% - Vụ phụ	767	805	805	877	919	937	995	1.397	1.355
Gạo nếp trắng Tầm A.1 đặc biệt	631	641	632	629	658	676	684	831	889

Nguồn: Hiệp hội Xuất khẩu gạo Thái Lan

5. Chính sách thương mại

Các cam kết khu vực, song phương, đa phương, WTO

Không chỉ tích cực tham gia đàm phán các thương vụ G2G (chính phủ với chính phủ). Thái Lan còn rất tích cực phát triển quan hệ hợp tác với khối tư nhân. Điển hình như với thị trường Trung Quốc: (1) Hiện nay, Tập đoàn Quốc gia về Ngũ cốc, Dầu và Thực phẩm (doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm về nhập khẩu gạo của Trung Quốc) chiếm tới 50% hạn ngạch nhập khẩu gạo của Trung Quốc. Nhận thấy vai trò quan trọng của Tập đoàn này, Thái Lan đã tiếp cận và xây dựng quan hệ tốt và xây dựng các Biên bản ghi nhớ về thương mại gạo với tập đoàn này. Năm 2015, COFCO cam kết mua 1 triệu tấn gạo Jasmine và gạo 5% tấm của Thái Lan. (2) Cuối năm 2017, cơ quan xúc tiến thương mại của Thái Lan đã kết nối và thúc đẩy nhà xuất khẩu gạo Asia Golden Rice của nước này ký biên bản ghi nhớ (MoU) với Tmall, một trong những website mua sắm hàng đầu của tập đoàn thương mại điện tử khổng lồ Alibaba của Trung Quốc, để phân phối gạo Thái cao cấp thông qua các kênh thị trường của Alibaba.

Chương trình đảm bảo giá gạo

Chương trình đảm bảo giá gạo của Thái Lan chính thức bắt đầu từ ngày 15/10/2019 với việc các nông dân đủ điều kiện tham gia được nhận phần chênh lệch khi giá thị trường giảm xuống dưới mức chuẩn quy định. Theo đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Hợp tác xã nông nghiệp (BAAC) đã chuyển 9,4 tỷ baht (309 triệu USD) tiền bồi thường trực tiếp vào tài khoản của 349.000 nông dân đã đăng ký.

Nội các Thái Lan đã thông qua một ngân khoản trị giá 59 tỷ baht dành cho các chương trình đảm bảo giá và trợ cấp cho gạo và dầu cọ. Trong đó, 13,3 tỷ baht dành cho chương trình đảm bảo giá gạo, 21,4 tỷ baht dành cho dầu cọ và 25 tỷ baht để trợ cấp chi phí sản xuất cho người trồng lúa. Cuộc họp chung của các quan chức, các công ty kinh doanh và nông dân trước đó đã nhất trí áp giá cho 5 loại lúa gạo, với giá khởi điểm được đảm bảo từ 10.000-14.000 baht mỗi tấn thóc.

Theo chương trình đảm bảo giá gạo có thời hạn từ tháng 10/2019 đến tháng 10/2020 này, sản lượng áp giá của mỗi hộ nông dân tùy thuộc vào giống lúa, nhưng diện tích gieo trồng của từng hộ đối với cả 5 giống lúa được quy định không quá 6,4 hecta. Giá thóc có 15% độ ẩm sẽ được đảm bảo giá bán không thấp hơn 10.000 baht/tấn. Mỗi hộ nông dân có thể bán với giá đó cho 30 tấn gạo hoặc 6,4 hecta. Đối với gạo nếp, giá được quy định là 12.000 baht/tấn cho 16 tấn cho một hộ nông dân hoặc 6,4 hecta.

Người trồng lúa Hom Mali có thể mong đợi bán được ít nhất 15.000 baht/tấn với mức 14 tấn/hộ nông dân. Thóc lúa thơm sẽ có giá bán 14.000 baht/tấn, giới hạn ở mức

16 tấn hoặc 6,4 hecta, trong khi thóc lúa Pathum Thani sẽ có giá 11.000 baht/tấn với mức 25 tấn/hộ nông dân hoặc 6,4 hecta.

Những mức giá nói trên được trình lên một cuộc họp của Ủy ban Chính sách Lúa gạo để thông qua và ấn định ngày bắt đầu chương trình. Nông dân có thể đăng ký tham gia chương trình và một Ủy ban sẽ được thành lập để ấn định các mức giá chuẩn 15 ngày một lần. Nông dân sẽ được trả tiền chênh lệch chỉ khi giá giảm xuống dưới mức chuẩn. Ngoài ra, giới chức trách sẽ thực hiện các bước nhằm giảm chi phí sản xuất như chi phí cho thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật cũng như các chi phí thu hoạch. Các biện pháp khác bao gồm thúc đẩy nông nghiệp quy mô lớn và sử dụng hạt giống chất lượng cao, đồng thời mua bảo hiểm cho các vụ mùa.

Về lâu dài, người trồng lúa sẽ được đào tạo để trở thành những nông dân thông minh với sự giúp đỡ của nghiên cứu, phát triển và sáng tạo.

Về ngắn hạn, những biện pháp khẩn cấp sẽ được đưa ra nhằm cân bằng thị trường bằng cách trì hoãn bán hàng thông qua việc gia hạn cho vay hoặc trợ cấp lãi suất cho những thương lái đồng ý lưu kho lúa gạo, duy trì các thị trường xuất khẩu hiện tại và mở rộng các thị trường mới.

Phát triển hệ thống chợ đầu mối, trung tâm nông sản và sàn giao dịch

Để phát triển hoạt động thương mại nông sản và lúa gạo, kết nối sản xuất và tiêu thụ trong nước, kết nối thị trường trong nước và quốc tế, Chính phủ Thái Lan phát triển hệ thống chợ bao gồm chợ trung tâm hàng nông sản (chợ được thành lập và vận hành theo Quy chế về Phát triển chợ trung tâm hàng nông sản do Tổng cục Nội thương - Bộ Thương mại Thái Lan ban hành), chợ bán buôn nông sản công cộng (được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, trực thuộc Bộ Nông nghiệp Thái hoặc Ngân hàng Nông nghiệp), sàn giao dịch kỳ hạn hàng nông sản đã đưa các hợp đồng kỳ hạn về gạo 5% tẩm vào giao dịch.

Thị trường mua bán gạo để phân phối trong nước và xuất khẩu

Những chủ thể tham gia vào thị trường này gồm có: thương lái, cơ sở xay xát, hợp tác xã, môi giới, cơ sở bán buôn, cơ sở bán lẻ, nhà xuất khẩu, và chính phủ.

Thương lái tham gia vào thị trường mua bán gạo dưới hình thức thu mua lúa của nông dân, thuê xay xát, rồi bán lại cho cơ sở bán buôn hoặc bán lẻ. Qui mô tham gia của thương lái vào thị trường mua bán gạo khá nhỏ. Chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ tại địa phương.

Môi giới đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng lúa gạo của Thái Lan. Họ là cầu nối giữa nhà xuất khẩu hoặc cơ sở bán buôn với cơ sở xay xát. Họ kết nối các

thông tin về cung và cầu liên quan đến chủng loại và chất lượng gạo. Đa phần các cơ sở xay xát bán gạo lại cho các nhà xuất khẩu và cơ sở bán buôn qua môi giới. Môi giới được hưởng khoảng 2 - 3% doanh thu.

Cơ sở bán buôn và bán lẻ trong nước hình thành một mạng lưới rộng khắp Thái Lan. Với hơn 60% sản lượng gạo được tiêu thụ nội địa, đây là một thị trường gần như được thả nổi về giá. Các cơ sở bán buôn thu mua gạo từ các cơ sở xay xát một cách trực tiếp (khoảng 40%) và gián tiếp qua môi giới (khoảng 60%). Sau đó các cơ sở bán buôn phân phối qua các cơ sở bán lẻ để đưa gạo tới tay người tiêu dùng. Chỉ một phần nhỏ là các cơ sở bán buôn bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

Các nhà xuất khẩu của Thái Lan chủ yếu là các doanh nghiệp tư nhân. Hiện tại, có khoảng 350 doanh nghiệp đăng ký xuất khẩu gạo, trong đó có 10 doanh nghiệp xuất khẩu tư nhân nắm giữ khoảng 80% tổng giá trị xuất khẩu gạo. Các doanh nghiệp này xuất khẩu gạo thông qua môi giới quốc tế hoặc các doanh nghiệp kinh doanh gạo đa quốc gia.

Các doanh nghiệp xuất khẩu tìm kiếm khách hàng qua marketing của chính mình hoặc qua thực hiện các quota phân bổ từ các hợp đồng G2G theo sự điều phối của Phòng thương mại xuất khẩu thuộc Bộ thương mại Thái Lan. Hiện nay, hoạt động xuất khẩu thông qua các hợp đồng G2G chiếm khoảng 20% tổng lượng xuất khẩu gạo của Thái Lan.

Môi giới quốc tế và tập đoàn thương mại đa quốc gia là kênh xuất khẩu gạo chính của các doanh nghiệp tư nhân Thái Lan. Môi giới quốc tế chỉ kết nối các doanh nghiệp xuất khẩu của Thái Lan với các tập đoàn thương mại đa quốc gia hoặc với nhà nhập khẩu tại các nước nhập khẩu và hưởng phí hoa hồng. Các tập đoàn thương mại đa quốc gia có thể đàm phán trực tiếp việc mua gạo xuất khẩu từ các doanh nghiệp Thái Lan.

Chính phủ Thái Lan tham gia vào thị trường mua bán gạo chủ yếu dưới hai hình thức. Thứ nhất, Chính phủ tham gia vào việc đàm phán các hợp đồng G2G với các quốc gia nhập khẩu. Thứ hai, Chính phủ tham gia vào việc giám sát chất lượng gạo xuất khẩu, đảm bảo rằng gạo xuất khẩu đạt các tiêu chuẩn khai báo.

III. KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ LƯU Ý CHO NGÀNH GẠO VIỆT NAM

1. Kết luận

Thái Lan đã khá thành công trong phát triển ngành lúa gạo, liên tục giữ vững vị trí thứ hai thế giới về xuất khẩu gạo. Chiếm đến hơn 20% tổng lượng gạo xuất khẩu thế giới trong khi sản lượng chỉ chiếm 5%, sản phẩm gạo Thái Lan đã có thương hiệu và được nhiều thị trường yêu thích. Đạt được thành công như vậy là do Chính phủ Thái Lan đã thực hiện những chính sách hợp lý. Tuy còn một số chính sách chưa hợp lý (ví

dụ chính sách trợ giá với các hệ lụy về tham nhũng, lãng phí,...) nhưng cũng có những chính sách rất thành công để Việt Nam có thể học tập

2. Một số lưu ý cho ngành gạo Việt Nam

Đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, đưa khoa học công nghệ thâm nhập sâu vào tất cả các quá trình từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến, lưu thông

Kinh nghiệm của Thái Lan chỉ ra rằng, khoa học công nghệ giúp con người không chỉ tiết kiệm thời gian mà còn nâng cao hiệu quả sản xuất. Chính khoa học công nghệ hiện đại và đồng bộ trong các khâu cũng như ở các địa phương trên cả nước đã giúp Thái Lan phát triển mạnh nhiều ngành sản xuất nông nghiệp, giải phóng sức lao động của nông dân và cải thiện thu nhập cho họ. Việt Nam cũng đã có kinh nghiệm trong việc đón đầu một số thành tựu khoa học công nghệ mới cho phép rút ngắn khoảng cách với các quốc gia khác trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Quá trình này cần phải được tiếp tục tại các vùng, miền, đối với tất cả các khâu khác nhau của chu trình sản xuất nông nghiệp và cần định hướng, quy hoạch phát triển và đầu tư của Nhà nước.

Đẩy mạnh phát triển những loại nông sản có chất lượng tốt, giá trị kinh tế cao nhằm nâng cao thu nhập cho nông dân

Việt Nam tuy là nước xuất khẩu gạo lớn trên thế giới nhưng các số liệu thống kê chỉ ra rằng loại gạo mà chúng ta sản xuất chưa có sức cạnh tranh cao với gạo của các nước khác trên thế giới, hiệu quả không cao. Điều này dẫn đến một thực trạng là chúng ta để mất thị phần không nhỏ trong nước cho các loại gạo chất lượng cao của Thái Lan,... Hơn nữa, tuy nước ta có khối lượng xuất khẩu gạo lớn nhưng do hạn chế về giá nên kim ngạch không cao tương ứng với khối lượng. Ở Thái Lan có xu hướng sản xuất gạo chất lượng cao và có sức cạnh tranh cao để xuất khẩu, nhằm tăng thu nhập cho nông dân. Đây là vấn đề Việt Nam cần quan tâm, bởi lẽ, chúng ta cũng có nhiều loại lúa hay các cây, con trong nông nghiệp có chất lượng cao và được ưa chuộng trên thị trường quốc tế.

Gắn phát triển kinh tế nông nghiệp với việc giữ gìn tài nguyên, bảo vệ nguồn sống của nông dân, phát triển chương trình “Mỗi làng một sản phẩm - OCOP”

Hiện nay, ở Việt Nam, nhiều giống cây, con bị khai thác quá mức hoặc do môi trường sống của chúng quá ô nhiễm nên bị thoái hóa, năng suất suy giảm. Với vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của mình, Việt Nam là một trong những nước có nguy cơ tổn thất nhiều nhất trên thế giới trước biến đổi khí hậu. Khi xảy ra thảm họa hay thiên tai thì những người nghèo, những nông dân, cần đến môi trường tự nhiên để sản xuất lại là

những người dễ bị tổn thương nhất trong xã hội. Như vậy, phát triển bền vững là cái đích mà chúng ta phải hướng tới, và mô hình nông nghiệp hữu cơ ở Thái Lan (hay Ấn Độ) rất đáng để chúng ta học tập, phổ biến kinh nghiệm cho nông dân nhằm thay đổi tập quán sản xuất của họ theo hướng tiên bộ, thân thiện với môi trường. Thái Lan cũng thực hiện rất thành công chương trình mỗi làng một sản phẩm, vừa giúp nâng cao giá trị sản phẩm vừa bảo tồn được những sản phẩm đặc thù của mỗi vùng miền.

Thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp

Ở Thái Lan, các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp dành cho tất cả nông dân và là bắt buộc đối với người vay vốn. Phạm vi bảo hiểm áp dụng cho cây lương thực, cây lấy dầu, cây vườn, cây thương mại hàng năm,... Mức bồi thường nhiều loại cây, con từ 60-90% của sản lượng trung bình trong những năm trước. Đương nhiên, để phát triển bảo hiểm nông nghiệp rộng khắp, Chính phủ Thái Lan hỗ trợ nguồn kinh phí đáng kể. Đây là những tham số có thể xem xét khi thực hiện bảo hiểm nông nghiệp cho nông dân Việt Nam, nhất là trong những tình huống mùa màng thất bát, thiên tai./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA),
<https://apps.fas.usda.gov/psdonline/app/index.html#/app/home>
2. Cục Xúc tiến thương mại. (2018). *Hồ sơ thị trường Thái Lan*. VCCI-Ban Quan hệ Quốc tế
3. Hiệp hội Xuất khẩu Gạo Thái Lan -
http://www.thairiceexporters.or.th/default_eng.htm
4. Nguyễn Đức Thành & Đinh Tuấn Minh. (2015). *Thị trường lúa gạo Việt Nam: Cải cách để hội nhập – Cách tiếp cận cấu trúc thị trường*. VEPR
5. Nguyễn Thị Phong Lan. (2014). *Xuất khẩu nông sản chế biến của Thái Lan và bài học cho Việt Nam*. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam. Số 12(85)-2014